

Số: **1149** /QĐ-ĐHCN

Hà Nội, ngày **20** tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chính sách miễn, giảm học phí cho sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội



**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 4811/QĐ-BCT ngày 29/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách miễn, giảm học phí cho sinh viên tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 và thay thế Quyết định số 624/QĐ-ĐHCN ngày 19/6/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy định thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho sinh viên.

Điều 3. Trưởng các phòng: Công tác Sinh viên, Tổ chức Hành chính, Đào tạo, Tài chính Kế toán; Trưởng các đơn vị và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐT;
- Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Đức Quý

QUY ĐỊNH
Chính sách miễn, giảm học phí cho sinh viên
trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
(Kèm theo Quyết định số: **1149** /QĐ-ĐHCN, ngày **20** tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

CHƯƠNG I
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về việc thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (sau đây gọi tắt là Trường hoặc Nhà trường), bao gồm các nội dung về: Hội đồng xét duyệt chính sách miễn, giảm học phí; Đối tượng miễn, giảm học phí; Hồ sơ miễn, giảm học phí; Thực hiện miễn, giảm học phí.

Quy định này áp dụng đối với sinh viên đang học các chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng chính quy của trường.

Điều 2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí (MGHP) được cấp từ ngân sách Nhà nước.

CHƯƠNG II
HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét duyệt chính sách MGHP

Hội đồng xét duyệt chính sách cho sinh viên của Nhà trường gồm:

- Chủ tịch hội đồng: Hiệu trưởng (hoặc Phó hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền);
- Ủy viên thường trực: Trưởng phòng Công tác Sinh viên;
- Các ủy viên là đại diện của các đơn vị: Phòng Đào tạo, phòng Tài chính Kế toán, phòng Tổ chức Hành chính, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và đại diện của các Trường thuộc hoặc trực thuộc trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, các Khoa và Trung tâm đào tạo (sau đây gọi chung là Khoa).

Điều 4. Nhiệm vụ của Hội đồng xét duyệt chính sách MGHP

1. Hội đồng tư vấn cho Hiệu trưởng triển khai thực hiện chính sách MGHP cho sinh viên trong Trường.

2. Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của Ủy viên Thường trực, Hội đồng kiểm tra và đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định thực hiện chi trả chính sách MGHP cho sinh viên.

CHƯƠNG III

ĐỐI TƯỢNG MIỄN GIẢM HỌC PHÍ

Điều 5. Đối tượng được miễn học phí

1. Người có công với cách mạng hoặc cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi của người có công với cách mạng.

Người có công với cách mạng bao gồm:

- a) Người hoạt động cách mạng đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;
 - b) Liệt sỹ;
 - c) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
 - d) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
 - e) Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh;
 - f) Bệnh binh;
 - g) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;
 - h) Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày;
 - i) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế;
 - k) Người có công giúp đỡ cách mạng.
2. Sinh viên bị khuyết tật.
3. Sinh viên không quá 22 tuổi thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi.
 - b) Mồ côi cả cha và mẹ.
 - c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật.
 - d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội.
 - e) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
 - f) Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật.
 - g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.

h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

i) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.

j) Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

k) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4. Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trường hợp sinh viên ở với ông bà) thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Cụ thể:

a) Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chút, Ô Đu, BRâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ.

b) Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được xác định theo các văn bản tại phụ lục I kèm theo Quy định này.

Điều 6. Đối tượng được giảm học phí

1. Giảm 70% học phí đối với sinh viên học nghề Cắt gọt kim loại.

2. Giảm 70% học phí đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định tại Khoản 5 Điều 5 Quy định này) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo.

Vùng đặc biệt khó khăn, xã vùng III được xác định theo các văn bản quy định tại phụ lục I kèm theo Quy định này.

3. Giảm 50% học phí đối với sinh viên là con cán bộ, công nhân viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

CHƯƠNG IV

HỒ SƠ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ

Điều 7. Danh mục hồ sơ cần nộp

Sinh viên có đơn đề nghị miễn giảm học phí (mẫu đơn theo phụ lục II) và bản sao chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn giảm học phí về phòng Công tác Sinh viên (phòng CTSV), cụ thể:

1. Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với đối tượng được quy định Khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

2. Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

3. Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại Khoản 3 Điều 5 của Quy định này.

4. Giấy khai sinh và giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp đối với đối tượng được quy định tại Khoản 4 Điều 5 của Quy định này.

5. Giấy khai sinh, sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (nếu sổ hộ khẩu bị thất lạc) và giấy chứng nhận vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn đối với đối tượng được quy định tại Khoản 5 Điều 5 và Khoản 2 Điều 6 của Quy định này. Kể từ năm học 2025-2026, các đối tượng này chỉ phải nộp giấy khai sinh.

6. Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc Quyết định về việc được hưởng chế độ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp của cha hoặc mẹ do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối tượng được quy định tại Điểm c Khoản 1.2 của Quy định này.

7. Căn cứ vào chuyên ngành học của sinh viên để quyết định miễn giảm học phí đối với đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Quy định này.

Điều 8. Thời gian hoàn thành hồ sơ

1. Trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhập học, sinh viên nộp giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng MGHP được quy định tại điều 7 của Quy định này.

2. Sinh viên nộp 01 bộ hồ sơ cho cả thời gian khóa học, trừ các đối tượng dưới đây:

a) Sinh viên là đối tượng tại Khoản 4 Điều 5 của Quy định này: Từ ngày 01/01 đến 28/02 hàng năm phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm đó để làm căn cứ xem xét miễn giảm học phí trong năm.

b) Sinh viên là đối tượng tại Khoản 5 Điều 5 và Khoản 2 Điều 6 của Quy định này: Nộp bổ sung Giấy xác nhận cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội

khó khăn/đặc biệt khó khăn khi Nhà nước thay thế văn bản quy định vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn.

CHƯƠNG V

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM HỌC PHÍ

Điều 9. Thời gian sinh viên hưởng chính sách miễn, giảm học phí

1. Quy định chung

a) Trường hợp sinh viên chưa nhận tiền MGHP trong thời gian quy định, sinh viên sẽ được truy lĩnh trong lần chi trả tiếp theo.

b) Thời gian sinh viên nghỉ học tạm thời, bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì sẽ không được cấp tiền miễn, giảm học phí. Trường hợp sinh viên phải học lại, học lưu ban, kéo dài thời gian học so với thời gian thiết kế của khóa học do lý do bất khả kháng mà không phải do kỷ luật hoặc tự thôi học thì tiếp tục được hưởng chính sách tối đa 1 lần trong khóa học sao cho tổng thời gian hưởng bằng thời gian thiết kế khóa học.

c) Không áp dụng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí đối với sinh viên đã hưởng chế độ này tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học cùng cấp học và trình độ đào tạo.

Nếu sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí đồng thời học ở nhiều cơ sở giáo dục hoặc học cùng lúc 2 chương trình trong Trường thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi.

d) Không áp dụng miễn, giảm học phí đối với sinh viên đang hưởng lương và sinh hoạt phí khi đi học trừ trường hợp sinh viên theo chương trình, đề án được miễn học phí theo Quy định của Chính phủ.

d) Đối với sinh viên chuyển từ hệ Đại học xuống hệ Cao đẳng: Trong thời gian học hệ Đại học, sinh viên:

- Đã hưởng MGHP đủ thời gian thiết kế khóa học của hệ Cao đẳng thì không tiếp tục hưởng MGHP khi học hệ Cao đẳng.

- Chưa hưởng MGHP đủ thời gian thiết kế khóa học của hệ Cao đẳng thì sẽ tiếp tục hưởng MGHP nhưng tổng thời gian hưởng không vượt quá tổng thời gian thiết kế khóa học của hệ Cao đẳng.

2. Thời gian kết thúc chính sách miễn giảm học phí

a) Sinh viên là đối tượng tại Khoản 4 Điều 5 của Quy định này, được hưởng chính sách từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 của năm gia đình được công nhận là nghèo hoặc cận nghèo.

b) Sinh viên là đối tượng được quy định tại Khoản 5 Điều 5 và Khoản 2 Điều 6 của Quy định này, được hưởng chính sách theo hiệu lực của văn bản quy định vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.

Điều 10. Tiền miễn giảm học phí của sinh viên

Nhà nước cấp tiền MGHP cho sinh viên 10 tháng/1 năm học và được chi trả 2 lần trong năm theo học kỳ.

Sinh viên phải đóng phần chênh lệch giữa mức MGHP Nhà nước cấp với học phí thực tế của Nhà trường.

1. Tiền MGHP Nhà nước cấp

Tiền MGHP trong 1 học kỳ Nhà nước cấp cho sinh viên được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền MGHP} = T_{DT} \cdot M_{HP} \cdot 5 \text{ tháng}$$

Trong đó:

T_{DT} là tỷ lệ miễn, giảm học phí sinh viên được hưởng, căn cứ theo đối tượng, được quy định tại Điều 1 của Quy định này.

M_{HP} là mức trần học phí theo trình độ và nhóm ngành của từng năm học theo ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021. (Chi tiết tại khoản 4 điều 10)

1 học kỳ được quy định là 5 tháng.

Ví dụ: Sinh viên là đối tượng người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đang học ngành kỹ thuật hệ Đại học, có tiền MGHP của học kỳ 1 năm học 2021-2022 như sau:

Tiền MGHP học kỳ 1 năm học 2021-2022 = 70% x 1.170.000 đồng/sinh viên/tháng x 5 tháng = 4.095.000 đồng.

2. Mức trần học phí miễn, giảm của sinh viên

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng.

Hệ đào tạo	Nhóm ngành	Mức trần học phí miễn giảm theo NĐ 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021.				
		Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Năm học 2025- 2026
Đại học	Kinh doanh và quản lý, pháp luật	980	1250	1410	1590	1790
	Công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, công nghệ thông tin	1170	1450	1640	1850	2090
	Du lịch, khách sạn, môi trường	980	1200	1500	1690	1910
Cao đẳng	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	940	1248	1328	1360	1600
	Khoa học xã hội, kinh doanh	780	1870	1992	2040	2400
	Dịch vụ, du lịch và môi trường	940	1560	1660	1700	2000

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Tất cả sinh viên là đối tượng MGHP chỉ hoàn thành phần học phí chênh lệch giữa mức tiền miễn giảm học phí Nhà nước cấp và học phí thực tế của Nhà trường.

Tiền miễn giảm học phí Nhà nước cấp sẽ được chi trả cho sinh viên khi Nhà trường nhận được kinh phí.

2. Hàng năm Nhà trường tiến hành họp xét chính sách MGHP vào tháng 5 và tháng 12.

Quy định này sẽ được sửa đổi, bổ sung trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới./.

PHỤ LỤC I

Danh mục các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quy định vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn

((Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHCN, ngày tháng năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội))

1. Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.
2. Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.
3. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020.

PHỤ LỤC II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

(Dùng cho sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập)

Kính gửi: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Lớp:..... Khóa:..... Khoa:.....

Mã sinh viên:.....

Thuộc đối tượng: (ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)

.....

.....
Đã được hưởng chế độ miễn giảm học phí (ghi rõ tên cơ sở đã được hưởng chế độ miễn giảm học phí, cấp học và trình độ đào tạo):.....

Căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành.

Hà Nội, ngày..... tháng năm 202.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

1000